

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN PHÚC CHÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN PHÚC CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC CHAU DEVELOPMENT INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110804356

**3. Ngày thành lập:** 05/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 30 Ngõ 96/31 Phố Thượng Thanh, Tổ 8, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0836687777

Fax:

Email: nguyenductiengc@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế<br>Chi tiết: Bệnh viện đa khoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8610        |
| 2.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết:<br>Phòng khám đa khoa<br>Phòng khám nội tổng hợp;<br>Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội: Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nhi và chuyên khoa khác thuộc hệ nội;<br>Phòng khám chuyên khoa tai - mũi - họng<br>Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ<br>Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ<br>Phòng khám chuyên khoa răng - hàm - mặt | 8620(Chính) |
| 3.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0119        |
| 4.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0128        |
| 5.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1079        |
| 6.  | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2100        |
| 7.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết:<br>Sản xuất trang thiết bị y tế loại A, B, C<br>Sản xuất răng giả                                                                                                                                                                                                                              | 3250        |

|     |                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ loại cấm)                                                                                                                                   | 3290 |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)                  | 4610 |
| 10. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                           | 4632 |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc                                                                                                    | 4649 |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                      | 4651 |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                       | 4652 |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán trang thiết bị y tế loại A, B, C                                                                                    | 4659 |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                              | 4719 |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng                                                                                                 | 4722 |
| 17. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4741 |
| 18. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4742 |
| 19. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Cơ sở bán lẻ thuốc, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4772 |
| 20. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá, không bao gồm các website giao dịch chứng khoán trực tuyến)<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử   | 4791 |
| 21. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                  | 4799 |
| 22. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                    | 6201 |
| 23. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                      | 6202 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.<br>Hoạt động công nghiệp phần cứng<br>Hoạt động công nghiệp phần mềm<br>Hoạt động công nghiệp nội dung | 6209 |
| 25. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                           | 6311 |
| 26. | Cổng thông tin<br>(Loại trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6312 |
| 27. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(loại trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                  | 6399 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>(loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản)                                                                                                                        | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC TIẾN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 07/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030093002603

Ngày cấp: 13/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 30 Ngõ 96/31 Phố Thượng Thanh, Tổ 8, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 30 Ngõ 96/31 Phố Thượng Thanh, Tổ 8, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030093002603

Ngày cấp: 13/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 30 Ngõ 96/31 Phố Thượng Thanh, Tổ 8, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 30 Ngõ 96/31 Phố Thượng Thanh, Tổ 8, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội